

BỐI CẢNH QUỐC TẾ, TRONG NƯỚC VÀ CÁC QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2008-2020(*)

- **BAN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC**
Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. Bối cảnh quốc tế và trong nước

1. Bối cảnh quốc tế

Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật (KHKT) tiếp tục phát triển mạnh mẽ cùng với sự phát triển của kinh tế tri thức. Thế giới đang hướng tới cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba, lấy tri thức làm động lực phát triển, thay thế cho tài nguyên thiên nhiên (lần thứ nhất) và cơ giới hóa (lần thứ hai). Khoa học - công nghệ trở thành động lực cơ bản của sự phát triển kinh tế - xã hội. Giáo dục là nền tảng của sự phát triển khoa học - công nghệ, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện đại và đóng vai trò chủ yếu trong việc nâng cao ý thức dân tộc, tinh thần trách nhiệm và năng lực của các thế hệ hiện nay và mai sau.

Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế vừa là quá trình hợp tác để phát triển vừa là quá trình đấu tranh của các nước đang phát triển để bảo vệ lợi ích quốc gia. Sự cạnh tranh kinh tế giữa các quốc gia ngày càng quyết liệt hơn đòi hỏi phải tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng hàng hoá và đổi mới công nghệ một cách nhanh chóng. Các phương tiện truyền thông, mạng viễn thông, Internet tạo thuận lợi cho giao lưu và hội nhập văn hoá, đồng thời cũng đang diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt để bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc.

Giáo dục trong thế kỉ XXI phải thực hiện được sứ mệnh "nhân văn hóa" tiến trình toàn cầu hóa, biến toàn cầu hóa thành điều có ý nghĩa đối với từng con người và tất cả các quốc gia. Giáo dục được điều chỉnh lại nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng của mỗi quốc gia, có thể làm việc trong một môi trường đa văn hóa với ý thức công dân và cơ hội ngang bằng cho tất cả mọi người. Điều này chỉ có thể trở thành hiện thực khi có được sự cam kết, quan tâm về chính

sách và chương trình giáo dục dài hạn thật sự. Giáo dục suốt đời sẽ trở thành đòi hỏi và cam kết của mỗi quốc gia. Hệ thống giáo dục, chương trình và phương pháp giáo dục của các quốc gia tiếp tục được thay đổi nhằm xóa bỏ mọi ngăn cách trong các nhà trường, cung cấp tri thức hiện đại, xây dựng các công dân của thế kỉ 21, đáp ứng yêu cầu mới phát sinh của nền kinh tế.

Công nghệ thông tin và truyền thông được ứng dụng trên quy mô rộng lớn ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt trong giáo dục. Với việc kết nối mạng, các công nghệ, tri thức không chỉ tồn tại ở các địa điểm xa xôi, cách trở và khó tiếp cận hoặc chỉ giới hạn với một số ít người. Do đó, giáo dục từ xa đã trở thành một thế mạnh của thời đại, tạo nên một nền giáo dục phi khoảng cách, mở và thích ứng với nhu cầu của từng người học. Đây là hình thức giáo dục ở mọi chỗ và cho mọi người, trở thành giải pháp hiệu quả nhất để đáp ứng các yêu cầu ngày càng tăng về giáo dục.

2. Bối cảnh trong nước

Sau hơn 20 năm đổi mới, đất nước đang bước vào thời kì phát triển mạnh với vị thế và diện mạo mới. Kinh tế Việt Nam liên tục phát triển đạt tốc độ tăng trưởng khá cao. Thu nhập bình quân theo đầu người trong 10 năm qua tăng liên tục từ 337 USD năm 1997 đã lên đến 823 USD năm 2007. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GDP ngày càng giảm; tỷ trọng dịch vụ và công nghiệp- xây dựng ngày càng tăng. Đời sống của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ hộ nghèo giảm đáng kể. Nhiều mục tiêu thiên niên kỉ của đất nước ta đã được hoàn thành. Việt Nam đang tích cực tham gia vào quá trình hội nhập quốc tế với nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao, với môi

(*) Tiếp theo bài: "Tình hình giáo dục Việt Nam trong những năm đầu thế kỉ XXI" - Ban Nghiên cứu Chiến lược, Bộ Giáo dục và Đào tạo, đăng trên Tạp chí Khoa học giáo dục, số 31.



trường chính trị ổn định và mức sống của các tầng lớp nhân dân ngày càng được cải thiện. Việc chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO tạo thêm nhiều thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế xã hội.

Mặc dù có những bước tăng trưởng đáng kể trong 20 năm gần đây, nền kinh tế nước ta vẫn là nền kinh tế có mức thu nhập thấp. Các chỉ số về kết cấu hạ tầng, phát triển con người vẫn ở mức thấp so với nhiều nước trên thế giới. Năng suất lao động thấp dựa trên chi phí cao về nguồn vật liệu, tiêu hao nhiều năng lượng. Sản xuất chủ yếu vẫn dựa trên các sản phẩm thô, giá trị gia tăng thấp, công nghệ lạc hậu. Những sản phẩm này dễ bị cạnh tranh gay gắt và thay thế bởi các nguồn cung cấp khác. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Tỷ trọng dịch vụ và công nghiệp trong GDP còn thấp, trong khi đó tỷ trọng nông nghiệp tuy có giảm nhưng vẫn ở mức khá cao. Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Hoạt động kinh tế đối ngoại còn nhiều hạn chế, thiếu lộ trình chủ động trong hội nhập kinh tế quốc tế. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều hạn chế, vướng mắc và chưa đồng bộ. Hiệu lực quản lý nhà nước còn thấp trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội.

3. Cơ hội và thách thức

Các cơ hội

Quá trình hội nhập và sự đổi mới phát triển giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội tốt cho giáo dục Việt Nam nhanh chóng tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những cơ sở lý luận, phương thức tổ chức, nội dung giảng dạy hiện đại và tận dụng các kinh nghiệm quốc tế để đổi mới và phát triển, thu hẹp khoảng cách phát triển của Việt Nam so với các nước khác. Hợp tác quốc tế được tăng cường, tạo điều kiện tăng đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài, tăng nhu cầu tuyển dụng lao động qua đào tạo, tạo thời cơ để phát triển giáo dục.

Áp lực hội nhập quốc tế đòi hỏi đất nước ta phải cải cách thể chế, khơi dậy những tiềm năng to lớn về giáo dục trong xã hội.

Ở trong nước, truyền thống hiếu học của dân tộc, sự quan tâm của toàn xã hội đối với giáo dục tiếp tục là thuận lợi cơ bản để phát triển giáo dục.

Sau hơn 20 năm đổi mới, những thành tựu đạt được trong phát triển kinh tế xã hội làm cho thế và lực nước ta lớn mạnh lên nhiều so với trước. Sự đóng góp về nguồn lực của nhà nước và nhân dân ngày càng được tăng cường.

Những người Việt Nam ở nước ngoài với nhiều tiềm năng đang hướng về tổ quốc và dân tộc, sẵn sàng đóng góp cho sự nghiệp giáo dục nước nhà.

Các thách thức

Trong quá trình hội nhập quốc tế, chúng ta phải thực hiện các cam kết chung của khu vực và thế giới, điều này có thể dẫn đến nguy cơ mất bản sắc văn hoá dân tộc và khó bảo đảm toàn vẹn chủ quyền trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Xu hướng xuất khẩu giáo dục không lành mạnh từ các nước có nền giáo dục phát triển có thể gây nhiều rủi ro lớn đối với giáo dục Việt Nam khi mà khả năng quản lý của nước ta về hoạt động giáo dục xuyên quốc gia còn yếu kém. Rủi ro có thể từ việc tăng số lượng các nhà cung cấp giáo dục kém chất lượng, sự sụt giảm trong tài trợ công khi có nhiều nhà cung cấp nước ngoài. Trong khi đó nước ta còn thiếu nhiều chính sách thích hợp cùng các quy định để định hướng và giám sát chặt chẽ nhằm hạn chế rủi ro.

Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ trên thế giới có thể làm cho khoảng cách kinh tế, tri thức giữa Việt Nam và các nước ngày càng lớn hơn.

Ở trong nước, sự bất bình đẳng trong xã hội có chiều hướng gia tăng; sự phân hóa giàu nghèo, khoảng cách giữa các vùng miền ngày càng rõ rệt dẫn đến nguy cơ bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục.

Yêu cầu phát triển kinh tế trong hơn 10 năm tới không chỉ đòi hỏi số lượng mà còn đòi hỏi chất lượng cao của nguồn nhân lực. Mặc dù 62,7% số dân nước ta trong độ tuổi lao động nhưng trình độ còn kém so với nhiều nước trong khu vực. Chất lượng nhân lực được đào tạo còn thấp cả về kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng nghề nghiệp, còn thiếu nhân lực trình độ cao ở nhiều lĩnh vực. Cơ cấu nhân lực qua đào tạo chưa hợp lý, nhân lực trong khu vực nông nghiệp còn chiếm tỷ lệ khá cao. Nhu cầu nhân lực qua đào tạo ngày càng tăng cả về số lượng lẫn chất lượng tạo nên sức ép lớn đối với giáo dục.



II. Các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục

Các quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước về sự nghiệp giáo dục đã được thể hiện trong Hiến pháp, Luật Giáo dục, các Nghị quyết TW 4 (khóa VII), TW 2 (khóa VIII), Kết luận Hội nghị TW 6 (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X. Để đáp ứng các yêu cầu đối với sự nghiệp giáo dục trong thời kì mới, phải tiếp tục quán triệt các quan điểm cơ bản của Đảng, đồng thời cần cụ thể hóa và bổ sung một số nội dung có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn sau đây:

1. Phát triển giáo dục là nhằm tạo lập nền tảng và động lực CNH, HĐH đất nước, đồng thời góp phần xây dựng nền văn hoá tiên tiến, hoàn thiện tổ chức dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là quá trình thay đổi sâu sắc về kinh tế, xã hội và môi trường thiên nhiên, trong đó con người vừa là chủ thể vừa là đối tượng của quá trình thay đổi đó. Bằng những nỗ lực nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hệ thống giáo dục quốc dân đóng vai trò chủ yếu trong việc phát triển nguồn lực con người với tổ chức được hoàn thiện - nền tảng và động lực thực hiện công cuộc CNH, HĐH, nhân tố quyết định để bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững, đồng thời góp phần xây dựng một nền văn hoá Việt Nam tiên tiến.

Với mức độ tham gia ngày càng tăng vào thị trường khu vực và thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa, nền kinh tế Việt Nam phải có năng lực hợp tác và cạnh tranh với các nền kinh tế khác để đạt tỉ lệ tăng trưởng cao. Muốn vậy, hệ thống giáo dục quốc dân phải đào tạo cho được các nhà quản lí giỏi, các chuyên gia giỏi và các công nhân, nhân viên có đủ phẩm chất, kiến thức và kĩ năng nghề nghiệp ở đẳng cấp quốc tế. Bởi vậy, phát triển giáo dục còn nhằm bảo đảm để nền kinh tế Việt Nam có đủ năng lực hợp tác và cạnh tranh với các nền kinh tế khác trong bối cảnh toàn cầu hóa.

2. Phát triển nền giáo dục của dân, do dân và vì dân là quốc sách hàng đầu, là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng và Nhà nước trong cơ chế thị trường định hướng XHCN

Trong bối cảnh tình hình mới, nền giáo dục của nước ta vẫn là nền giáo dục của dân, do dân

và vì dân. Cùng với phát triển khoa học - công nghệ, phát triển giáo dục - đào tạo với ý nghĩa tạo lập nền tảng và động lực CNH, HĐH, phải giữ vị trí quốc sách hàng đầu. Với chức năng phát triển nguồn lực con người, giáo dục - đào tạo cần được ưu tiên để tạo cơ sở vững chắc cho việc ứng dụng và phát minh khoa học - công nghệ, xây dựng và phát triển kinh tế tri thức. Các cấp ủy Đảng và chính quyền cần dành ưu tiên cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo về các mặt: lãnh đạo và chỉ đạo; sắp xếp bộ máy và bố trí nhân sự; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và phân bổ ngân sách; thực hiện chính sách đãi ngộ đối với nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục.

Để đảm bảo một nền giáo dục thực sự vì dân, quyền được học tập là một trong những quyền cơ bản của công dân. Mong muốn chung của tuyệt đại bộ phận các gia đình Việt Nam là con em họ được đến trường để hoàn thiện nhân cách, phát triển năng lực, có học vấn và nghề nghiệp. Đảng, Nhà nước và toàn xã hội phải xem phát triển giáo dục là một nhiệm vụ trọng tâm và là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Trong điều kiện xã hội còn phân hóa giàu nghèo, còn có sự chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng miền thì các cấp ủy Đảng và chính quyền phải thực hiện công bằng về cơ hội tiếp cận giáo dục, bảo đảm quyền được học của nhân dân, tạo điều kiện để con em các gia đình nghèo được đến trường và đạt trình độ giáo dục phổ cập, đồng thời có chính sách hỗ trợ để thanh thiếu niên có năng lực học tập không vì khó khăn về kinh tế mà phải bỏ học.

3. Giáo dục vừa đáp ứng yêu cầu xã hội vừa thỏa mãn nhu cầu phát triển của mỗi người và tạo niềm vui học tập cho mỗi người

Để phát triển nguồn lực con người tạo nền tảng và động lực cho quá trình CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, hệ thống giáo dục quốc dân phải không ngừng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, tăng cường hiệu quả, thực hiện công bằng về cơ hội tiếp cận giáo dục. Hơn thế nữa, nhằm đào tạo những thế hệ con người Việt Nam đủ phẩm chất và năng lực thực hiện lí tưởng dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, hệ thống giáo dục phải đa dạng hóa nội dung và phương thức cung ứng dịch vụ giáo dục đồng thời khai thác tiến bộ khoa học - công nghệ, đặc biệt là những thành tựu



công nghệ thông tin - truyền thông để cá biệt hóa quá trình giáo dục, tạo điều kiện cho người học có cơ hội lựa chọn cách tiếp cận phù hợp với nhu cầu, năng lực và điều kiện của bản thân, thực hiện nguyên tắc tôn trọng sự phát triển cá nhân, khuyến khích và phát huy tính năng động sáng tạo của tuổi trẻ.

4. Hội nhập quốc tế về giáo dục phải dựa trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng một nền giáo dục giàu tính nhân bản, tiên tiến, hiện đại

Quá trình toàn cầu hóa đem đến nhiều cơ hội đồng thời cũng tạo ra không ít những thách thức trong đó chứa đựng nguy cơ văn hóa bản địa bị xâm thực bởi văn hóa ngoại lai và những tác động cực đoan, lạc hậu, phi nhân đạo. Trong bối cảnh đó, việc hội nhập quốc tế phải được thực hiện trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, lấy yêu cầu xây dựng một nền giáo dục giàu tính nhân bản, tiên tiến, hiện đại làm điểm xuất phát để lựa chọn, học tập và áp dụng kinh nghiệm nước ngoài. Đồng thời việc tiếp nhận mô hình giáo dục nước ngoài phải căn cứ vào điều kiện thực tế của đất nước, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm tính khả thi.

5. Xã hội hóa giáo dục là phương thức phát triển giáo dục tiến đến một xã hội học tập

Nội dung xã hội hóa giáo dục bao gồm: huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển giáo dục; xây dựng môi trường xã hội lành mạnh và tạo lập sự thống nhất các yêu cầu giáo dục của nhà trường, gia đình và cộng đồng đối với thế hệ trẻ; tiến tới xây dựng một xã hội học tập. Thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục đã và đang không ngừng tăng lên, nhờ thế, ngày càng có thêm nhiều chỗ học cho thanh thiếu niên và cơ sở vật chất, kĩ thuật của nhà trường ngày càng được cải thiện. Để nâng cao chất lượng giáo dục, bảo đảm sự thành công trong việc hoàn thiện nhân cách thế hệ trẻ, nhất thiết phải xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, đồng thời gia đình và cộng đồng phải cộng tác chặt chẽ với nhà trường trong việc thực hiện các yêu cầu giáo dục đối với thế hệ trẻ. Trên cơ sở đó, hình thành một xã hội học tập, trong đó mọi tổ chức trong xã hội đều góp phần thực hiện chức năng giáo dục và việc học tập suốt đời trở thành phổ biến đối với mọi người.

6. Phát triển dịch vụ giáo dục và tăng cường yếu tố cạnh tranh trong hệ thống giáo dục là một trong các động lực phát triển giáo dục

Tạo điều kiện phát triển dịch vụ cung ứng giáo dục, gia tăng nhân tố cạnh tranh giữa các tổ chức và cá nhân trong hệ thống giáo dục, làm cho giáo dục trở thành một lĩnh vực có khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư là phương thức mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và tăng cường tính hiệu quả trong cơ chế thị trường. Khi các mục tiêu chung của hệ thống trở thành mục tiêu cạnh tranh của các cơ sở giáo dục và của các cá nhân tham gia hoạt động giáo dục thì để tồn tại và phát triển, các cơ sở giáo dục đều phải nâng cao năng lực cạnh tranh, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực và các cá nhân đều phải thể hiện rõ tinh thần trách nhiệm và năng lực chuyên môn. Trong điều kiện đó, cạnh tranh trở thành động lực phát triển của toàn hệ thống.

7. Giáo dục phải đảm bảo chất lượng tốt nhất trong điều kiện chi phí còn hạn hẹp

Giáo dục có vai trò tạo lập nền tảng và động lực CNH và HĐH đất nước, vì vậy phải không ngừng quan tâm nâng cao hiệu quả giáo dục và từng bước hiện đại hoá giáo dục với chi phí phù hợp với điều kiện tài chính còn hạn hẹp của đất nước. Thực hiện sự chia sẻ hợp lí trong chi phí giáo dục giữa Nhà nước, nhân dân và các tổ chức xã hội, đồng thời đổi mới phương pháp dạy và học, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong giáo dục, khuyến khích và tạo điều kiện cho người học tích cực, chủ động tự học và vận dụng sáng tạo những điều đã học vào thực tế, ngăn chặn và loại trừ tình trạng lãng phí, tham nhũng trong giáo dục đào tạo, có kế hoạch liên kết với các cơ sở giáo dục đào tạo trong và ngoài nước, thu hút các nhà khoa học, nhà giáo giỏi là Việt kiều về nước tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân tài cho đất nước là những giải pháp cần được chú trọng trong giai đoạn tới.

(Còn nữa)

SUMMARY

On the basis of analyzing the international and national context, the article describes the opportunities and challenges to the present educational and training development of Vietnam.